TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2020/HS-PT
Ngày: 11/3/2020.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán:

1. Ông Phạm Viết Hùng

2. Ông Phan Thanh Nguyễn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Trần Nguyễn Phương Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 16/2020/HSPT ngày 03/01/2020, đối với bị cáo H do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 126/2019/HSST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

H; sinh ngày: 03/7/1979; nơi sinh: tỉnh T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 72 Đường HMD, Phường 19, quận X, Thành phố M; chỗ ở: Căn hộ CT2-1018 Chung cư S, tổ 9, khu phố 2, phường PH, Quận Y, Thành phố M; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông A, sinh năm 1948 và bà B, sinh năm 1950; chồng: Đã ly hôn; con: có 02 con (con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2006); Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 27/02/2007, bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội "Đánh bạc".

- Bị bắt, tạm giam từ ngày 05/7/2019 (Có mặt).

Bị cáo không kháng cáo và không bị kháng nghị nên không triệu tập: N, sinh năm 1994; cư trú: 188/16/11 Đường TNV, khu phố 3, phường LĐ, quận Z, Thành phố M.

Những người tham gia tố tụng khác:

- Người bào chữa: Bà K là Luật sư của Văn phòng Luật sư NN thuộc Đoàn luật sư Thành phố M, bào chữa cho bị cáo H (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

N và H cùng nghiện ma túy và ở tại căn hộ CT2-1018 chung cư S, khu phố 2, phường PH, Quận Y, Thành phố M. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 03/7/2019, N đến quán Bar 030 ở số 08 Nam Quốc Cang, Quận 1 chơi. Tại đây, N gặp một người đàn ông (không rõ lai lịch) trong quán bar mua 01 gói nylon bên trong có nhiều viên nén hình tròn màu xanh lá in hình ngôi sao (thuốc lắc) với giá 11.000.000 đồng và 02 gói nylon được hàn kín bên trong chứa tinh thể không màu (ma túy tổng hợp) với giá 700.000 đồng về để sử dụng. N để 02 gói ma túy tổng hợp trên kệ trước phòng ngủ, còn gói thuốc lắc N để trên nệm trong phòng rồi đi ngủ. Đến khoảng 20h00’ cùng ngày, H vào phòng hỏi xin N 08 viên thuốc lắc để sử dụng, N đồng ý và lấy gói thuốc lắc đưa cho H 08 viên, số còn lại N bỏ vào trong giỏ xách màu nâu hiệu Michael Kors của H rồi để lên kệ trước phòng ngủ. Khoảng 07h30’ ngày 05/7/2019, Đội CSĐT tội phạm về Ma túy kết hợp Công an phường Phú Hữu, Quận 9 đến kiểm tra hành chính căn hộ thì thấy H lấy gói nylon (bên trong chứa 285 viên ma túy dạng thuốc lắc) để trong giỏ xách màu nâu hiệu Michael Kors ở trên kệ trước phòng ngủ mang đến khu vực bếp định cất giấu thì bị tổ tuần tra phát hiện bắt quả tang, đưa N và H về trụ sở Công an để làm việc.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 9, N và H đã thừa nhận toàn bộ nội dung sự việc như đã nêu.

Vật chứng của vụ án: Căn cứ bản kết luận giám định số 1411/KLGĐ-H ngày 12/7/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh:

- Tinh thể không màu trong 02 gói nylon được niêm phong, bên ngoài có chữ ký ghi tên N và hình dấu Cơ quan điều tra (ký hiệu M1) có khối lượng 3,4454 gram, là ma túy ở thể rắn loại Ketamine. Mẫu vật còn lại sau giám định là tinh thể không màu có khối lượng 3,2748 gram;

- 285 viên nén tròn hình màu xanh lá in hình ngôi sao trong một gói nylon được niêm phong, bên ngoài có chữ ký ghi tên H và hình dấu Cơ quan điều tra (ký hiệu M2) có khối lượng 87,4692 gram, là ma túy ở thể rắn loại MDMA . Mẫu vật còn lại sau giám định là 265 viên nén hình tròn màu xanh in hình ngôi sao, có khối lượng 81,3630 gram;

- 01 túi xách màu nâu hiệu Michael Kors.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 126/2019/HSST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định: Tuyên bố: H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 249; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt: bị cáo H 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/7/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/12/2019, bị cáo H có đơn kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm nêu trên xin giảm nhẹ hình phạt vì mức hình phạt quá nặng so với mức độ phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bị cáo H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân là lao động chính nuôi 02 con còn nhỏ và phạm tội do sợ bị liên lụy chứ không có sự bàn bạc hay giúp sức cho Đoàn Nhứt N cất giấu ma túy.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích về tính chất, mức độ tham gia phạm tội của bị cáo đồng phạm và hậu quả nguy hiểm cho xã hội, cũng như các tình tiết định khung và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đã kết luận, đủ căn cứ xác định bản án sơ thẩm xét xử bị cáo H, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), là có cơ sở pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo H kháng cáo trong thời gian luật định và hợp lệ nên cần được xem xét.

Về nội dung kháng cáo: Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã nhận định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo mức án 10 (mười) năm tù là phù hợp, không nặng. Bị cáo H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ gì mới để được xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bào chữa cho bị cáo H, Luật sư thống nhất với tội danh và khung hình phạt Viện kiểm sát truy tố nên không tranh luận. Luật sư chỉ phân tích đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn đã ly hôn, là lao động chính nuôi 02 con còn nhỏ theo quyết định của Tòa án; phạm tội không có sự câu kết chặt chẽ với N và án sơ thẩm nhận định, bị cáo phạm tội với vai trò là người giúp sức không đáng kể. Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐTP ngày 24/4/2018 thì lần phạm tội "Đánh bạc" bị xét xử cho hưởng án treo vào năm 2007, bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án và đương nhiên xóa án tích; nên lần phạm tội này của bị cáo được coi là phạm tội lần đầu. Do đó, đề nghị áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 và khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), để xử phạt bị cáo mức án khoan hồng, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị áp dụng đã đủ tác

dụng để răn đe, giáo dục bị cáo, cho bị cáo cơ hội sớm chấp hành xong hình phạt để chăm sóc gia đình và nuôi dưỡng, giáo dục các con còn nhỏ.

Bị cáo không tranh luận bổ sung, chỉ nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt, do thiếu hiểu biết pháp luật, khi Công an đến nhà kiểm tra hành chính do sợ bị liên lụy nên đã phạm tội, bị cáo rất hối hận và mong muốn được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, cho bị cáo một cơ hội sửa chữa làm lại cuộc đời.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, bị cáo H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo và N như nội dung bản án sơ thẩm, phù hợp với bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và các tài liệu, chứng cứ: biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tạm giữ đồ vật – tài liệu, bản kết luận giám định và lời khai của N (là bị can trong cùng vụ án đã bị xét xử), cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan điều tra đã thu thập có tại hồ sơ vụ án.

Đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 07h30’ ngày 05/7/2019, khi cơ quan Công an tiến hành kiểm tra hành chính nơi ở của H và N tại căn hộ CT2-1018 chung cư S, khu phố 2, phường PH, Quận Y, Thành phố M thì phát hiện, bắt quả tang H lấy 01 gói ma túy, bên trong có 285 viên thuốc lắc (của N mua trước đó cất giữ trái phép để trong giỏ sách của H) mang đến khu vực bếp định cất giấu và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Vật chứng thu giữ của bị cáo: căn cứ vào bản kết luận giám định số 1411/KLGĐ-H ngày 12/7/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, xác định: 285 viên nén tròn hình màu xanh lá in hình ngôi sao có khối lượng 87,4692 gram, là ma túy ở thể rắn, loại MDMA.

Như vậy, với hành vi cất giữ trái phép chất ma túy ở thể rắn với khối lượng 87,4692g MDMA, thuộc trường hợp “MDMA có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam” của bị cáo H; Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo H, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Hành vi phạm tội của bị cáo H và đồng phạm là rất nguy hiểm cho xã hội; không những xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, mà còn là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm về ma túy và tệ nạn xã hội khác; gây mất trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/12/2019, bị cáo H có đơn kháng cáo là làm trong thời hạn theo quy định tại Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã nhận định về tính chất, mức độ tham gia phạm tội của bị cáo đồng phạm và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có cha được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến Hạng Ba; để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt đáng ra phải chịu theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và xử phạt bị cáo H, mức án 10 (mười) năm tù là thỏa đáng, không nặng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư bào chữa cho bị cáo H có xuất trình các tài liệu: gia đình bị cáo có công với Cách mạng (là tình tiết đã được cấp sơ thẩm xem xét) và bị cáo có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, là lao động chính nuôi 02 con con nhỏ theo quyết định của Tòa án; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), cần được xem xét.

Xét trong vụ án, bị cáo H phạm tội đồng phạm mang tính giản đơn với N giữ vai trò chính, là người trực tiếp liên hệ, bỏ tiền ra mua ma túy mang về cất giấu trái phép để sử dụng và bỏ vào giỏ xách của bị cáo H đang để tại phòng khách tại nơi ở của cả hai; bị cáo H nhất thời phạm tội, không có sự bàn bạc trước với N với vai trò giúp sức nhưng không hưởng lợi và nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Nên khi quyết định hình phạt, áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), để xem xét, cân nhắc giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt; đã đủ tác dụng để răn đe, giáo dục bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung; thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Do đó, chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ cho bị cáo H một phần hình phạt.

Lập luận nêu trên cũng là căn cứ để chấp nhận ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Tuy nhiên, về hình phạt có xem xét về tính chất, mức độ tham gia phạm tội của bị cáo đồng phạm và tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm; để cân nhắc giảm nhẹ cho bị cáo H một phần hình phạt như nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử.

+Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các vấn đề khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, sửa bản án hình sự sơ thẩm và giảm hình phạt cho bị cáo.

- Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: bị cáo H 08 (tám) năm tù, về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính kể từ ngày 05/7/2019.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận 9; (1)
- P.PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Sở Tư pháp (1)
- THA Quận 9; (2)
- TAND Quận 9; (2)
- Công an Quận 9; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (26) (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Anh